

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

-----***-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ 2 NĂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

" Ứng dụng tiên bộ KHKT nuôi trồng Thủy sản để xây dựng các mô hình sản xuất bền vững nhằm nâng cao sản lượng cá vùng Điện Biên năm 1999 - 2000 "

" Thuộc Chương trình ứng dụng KHKT phục vụ phát triển KT - XH Nông thôn Miền núi "

Cơ quan quản lý: - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Cơ quan chủ quản: - UBND tỉnh Lai Châu

Cơ quan chủ trì: - Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Cơ quan chuyển giao công nghệ: - Viện nghiên cứu nuôi trồng
Thủy sản I - Bộ Thủy sản

Điện Biên Phủ, tháng 2 năm 2001

Lai Châu, ngày 10 tháng 2 năm 2001

BÁO CÁO
KẾT QUẢ 2 NĂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

"Ứng dụng tiến bộ KHKT nuôi trồng thủy sản để xây dựng các mô hình sản xuất bền vững nhằm nâng cao sản lượng cá vùng Điện Biên năm 1999 - 2000.

"Thuộc Chương trình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển KT-XH Nông thôn Miền núi"

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I- Căn cứ pháp lý thực hiện dự án:

Thực hiện Quyết định số 132/QĐ- TTg ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức chỉ đạo thực hiện Chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển KT - XH Nông thôn Miền núi giai đoạn 1998 - 2002".

Được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học, Công nghệ và môi trường, sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai Châu xin chủ trương và được sự nhất trí của UBND tỉnh Lai Châu đề nghị Bộ KH-CN&MT phê duyệt dự án "Ứng dụng tiến bộ KHKT nuôi trồng thủy sản để xây dựng các mô hình sản xuất bền vững nhằm nâng cao sản lượng cá vùng Điện Biên "

Sau khi dự án được Bộ KH-CN&MT phê duyệt tháng 11 năm 1998 sở KH-CN&MT Lai Châu cùng với Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản I đã tổ chức triển khai tại khu vực lòng chảo Điện Biên. Dự án đã được các cấp, các ngành, huyện thị, hợp tác xã, bà con nông dân đón nhận và đồng tình ủng hộ. Sau đây là báo cáo kết quả thực hiện trong 2 năm qua:

II- Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội vùng dự án:

- Khu vực lòng chảo Điện Biên bao gồm thị xã Điện Biên và huyện Điện Biên. Nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Lai Châu với tổng số diện tích đất đai là 317.643 ha. Trong đó diện tích canh tác khoảng 5.000 ha. Còn lại là đồi núi có độ dốc lớn. Đây chính là vùng trọng điểm lúa của tỉnh Lai Châu. Năng suất lúa ở đây thường đạt trên 10 tấn/ha/năm.

- Dân số khu vực lòng chảo có 91.580 người gồm nhiều dân tộc khác nhau như dân tộc Thái, Hmông, Kinh, Dao, Khơ Mú, Hà Nhì sống xen kẽ nhau thành một cộng đồng hoà thuận, nghề nghiệp chủ yếu của họ là làm ruộng và nương rẫy, khoanh nuôi rừng, các nghề phụ khác ít.

- Trình độ văn hoá, mức sống ở đây khá hơn các vùng khác trong tỉnh, có khả năng tiếp thu tốt được KHK.

- Khí hậu ở đây là nhiệt đới gió mùa. Hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10. Đặc điểm mùa này nóng, ẩm và mưa nhiều, lượng mưa tập trung vào các tháng 6, 7, 8. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.600 - 1.800mm. Nhiệt độ mùa hè dao động từ 22 - 28°C thích hợp cho các loại thuỷ sản sinh trưởng và phát triển. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3, khí hậu thường lạnh và khô, có gió Lào và gió địa phương. Nhiệt độ dao động từ 15 - 20°C.

- Về tiềm năng nuôi trồng thuỷ sản:

Vùng lòng chảo Điện Biên nằm trong lưu vực sông Cửu Long, sông Mã nên có nhiều tiềm năng về nuôi trồng thuỷ sản. Tổng diện tích mặt nước có khả năng nuôi cá là 1.378 ha. Trong đó ao 449 ha, hồ nhỏ 279 ha, 1 hồ chứa nước lớn 600 ha đó là hồ Pa Khoang. Diện tích mặt nước đang được sử dụng nuôi cá là 1.034 ha. Số còn lại chưa được sử dụng để nuôi cá. Hiện nay quanh khu vực lòng chảo còn có 8 hồ đang được xây dựng với tổng diện tích trên 17 ha.

Ngoài diện tích mặt nước trên cánh đồng Mường Thanh còn có hệ thống thuỷ lợi bao quanh, có các suối, hồ chứa nước có khả năng cấp nước chủ động cho toàn khu vực đó là điều kiện rất tốt cho việc nuôi cá ruộng. Nguồn lợi thuỷ sản ở đây cũng đa dạng và phong phú, có trên 60 loài trong các sông suối và nhiều loại cá quý hiếm. Nhân dân ở đây có bề dày kinh nghiệm về nuôi cá và sản xuất nông nghiệp. Vì vậy vùng Điện Biên việc nuôi cá nếu được chú trọng và phát triển theo hướng thâm canh cao sẽ đáp ứng tốt nhu cầu đời sống, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân trong vùng. Đặc biệt là nuôi đặc sản tôm, cá, ba ba ... sẽ tạo ra mặt hàng có giá trị kinh tế phục vụ du lịch và xuất khẩu sang các nước lân cận.

III - Hiện trạng về nuôi trồng thuỷ sản vùng Điện Biên:

- **Hiện trạng sản xuất giống:** Toàn khu vực lòng chảo có 1 HTX và 3 trại tư nhân sản xuất cá bột và một số hộ nhận cá bột về nhân ương các loại cá giống như mè, trôi, trắm, chép, Mrigal. Số lượng sản xuất hàng năm đạt 5,25 triệu con.

Trại cá HTX Noong bua mấy năm gần đây do không cạnh tranh được với thị trường nên đã chuyển giao cho một nhóm người đứng ra sản xuất, hàng năm sản xuất được 10 - 15 triệu cá bột/năm không đủ cung cấp cho nhân dân trong vùng. Mặt khác đàn cá bố mẹ ở đây quá già trên 10 năm và không

thuần. Cá bố mẹ lại chọn lọc nhiều lần từ một quần đàn nên dễ bị cận huyết chất lượng kém. Tỷ lệ ương chỉ đạt 25% (từ bột lên hương), 45% từ hương lên giống.

Một số loại cá mới như bố mẹ chép Hùng, rô phi thuần dòng Thái, Gift, cá mè Vinh ... trong khu vực vẫn chưa có.

Cơ sở vật chất hầu như không được đầu tư nâng cấp - HTX vẫn phải sử dụng những bể cũ để sản xuất nên kết quả đẻ, ấp đạt hiệu quả thấp.

- **Về nuôi cá trong ao hồ nhỏ:** Mặc dầu có nhiều ao hồ nhỏ, dân có truyền thống nuôi cá lâu đời. Song chưa có kiến thức KHKT phần lớn là nuôi quảng canh, cá giống thả nhỏ, chưa nuôi ghép để tận dụng các tầng mặt nước gây lãng phí mặt nước cũng như không tận dụng được thức ăn trong chăn nuôi cá. Mặt khác trong chăn nuôi cá mới chỉ thả giống tận dụng mặt nước chưa có đầu tư chăm sóc nên kết quả năng suất thấp, không quá 1 tấn/ha.

- **Về nuôi cá ruộng:** Hầu như chưa có ai nuôi, mặc dù điều kiện ruộng cấy 2 vụ đủ nước quanh năm hoặc ruộng cấy 1 vụ còn 1 vụ ngập nước bỏ hoang không nuôi cá dẫn đến sự lãng phí rất lớn mặt nước.

- **Về nuôi cá lồng trên hồ:** Phần lớn các hồ trong khu vực chủ yếu là trữ nước cho nông nghiệp, chưa kết hợp chăn nuôi cá. Hàng năm chỉ khai thác cá tự nhiên là chính, nên năng suất thấp.

- **Về tổ chức:** Trong tỉnh trước đây có Quốc doanh thủy sản và trại cá Noong Bua có đầy đủ cơ sở ao hồ, bể đẻ, bể ấp ... phục vụ cho việc sản xuất cá bột và ương nuôi cá giống. Song việc chuyển hoá từ bao cấp sang hạch toán không đạt được kết quả nên đã bị phá sản và phải chuyển giao lại cho HTX nuôi trồng thủy sản Noong Bua.

Toàn tỉnh chưa có tổ chức nào hoạt động riêng cho ngành thủy sản mà mọi hoạt động thông qua trung tâm khuyến nông hay các dự án thủy sản. Cán bộ thủy sản của tỉnh còn thiếu.

Trong những năm gần đây dự án "Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững" do chương trình phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi hỗ trợ, dự án UNPP về việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh phía Bắc và một số đề tài nuôi thủy sản khác đã góp phần giải quyết công ăn làm, nâng cao mức sống của nhân dân trong vùng.

IV - Mục tiêu của dự án:

* Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi cá ao, ruộng, lồng và sản xuất một số giống mới: Xây dựng mô hình tiến tiến nhằm nâng cao năng suất cá nuôi trong ao lên trên 2,5 tấn / ha, cá ruộng đạt 300 kg / ha, nuôi cá lồng đạt 40 kg/m³.

* Đào tạo : Cán bộ địa phương (khuyến ngư viên cấp tỉnh, huyện, xã) xây dựng cơ sở để tiếp thu kỹ thuật mới, duy trì và mở rộng mô hình sau khi dự án kết thúc.

* Đề xuất một số chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất sang nuôi cá.

V - Nội dung cụ thể của dự án:

- 1- Tổ chức sản xuất đủ giống có chất lượng tốt.
- 2- Xây dựng mô hình nuôi cá ruộng (2 vụ lúa 1 vụ cá)
- 3- Xây dựng mô hình nuôi cá ao quảng canh cải tiến.
- 4- Xây dựng mô hình nuôi cá lồng lưới trên hồ
- 5- Tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ nuôi cá cho cán bộ và nông dân trong vùng dự án.

VI- Phương pháp triển khai dự án:

1- Thành lập ban điều hành dự án bao gồm các thành viên của sở Khoa học CN&MT, Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản Trung ương I, UBND huyện Điện Biên, UBND thị xã Điện Biên Phủ, Phòng Nông nghiệp Điện Biên, Phòng Chỉ đạo sản xuất Thị xã Điện Biên Phủ và UBND các xã sở tại.

2- Chọn vùng triển khai dự án:

Ban điều hành dự án trao đổi bàn bạc và thống nhất với chính quyền địa phương đã lựa chọn được các điểm triển khai các mô hình tại các xã Thanh Lương, Thanh An, Thanh Minh, Noong bua như sau:

- Mô hình nuôi cá ao: 3 xã được lựa chọn xây dựng mô hình:

+ Xã Noong bua ở đầu kênh thủy nông Nậm rốm là nơi có điều kiện lấy và trữ nước tốt.

+ Xã Thanh minh có các nguồn cung cấp nước là các khe và kênh dẫn nước.

+ Mặc dù ban đầu theo dự kiến mô hình nuôi cá ruộng được lựa chọn là xã Thanh Xương nhưng xã không nhận làm nên dự án đã lựa chọn Xã Thanh an có đặc điểm tương tự xã Thanh Xương: Có nguồn nước chủ yếu dựa vào kênh Thủy nông Nậm rốm.

- Mô hình nuôi cá ruộng: Dự án đã lựa chọn 3 xã để xây dựng mô hình như sau:

+ Xã Thanh lương: Có hồ Pe lương ở đầu nguồn có khả năng điều kiện chủ động điều tiết nước.

+ Xã Thanh minh có các nguồn cung cấp nước chủ động là các khe và các kênh dẫn nước.

+ Xã Thanh an có nguồn nước chủ yếu dựa vào kênh Thuỷ nông Nậm rốm cũng được lựa chọn xây dựng mô hình để đánh giá so sánh.

- Mô hình nuôi cá lồng: Được lựa chọn là hồ Pe luông và hồ Noọng gia, đây là 2 hồ có điều kiện mực nước ổn định lại có đường giao thông thuận lợi.

3- *Triển khai mô hình*: Tập huấn kỹ thuật, hội nghị đầu bờ, thăm quan học tập, hướng dẫn triển khai trên thực tế về kỹ thuật làm ruộng, ao, lồng, chăm sóc cá theo yêu cầu của dự án.

4- *Đối tượng tham gia dự án*: Các hộ được lựa chọn tham gia dự án là các hộ có ý thức, nhiệt tình, có điều kiện đáp ứng các yêu cầu của dự án.

Mỗi hộ tham gia xây dựng mô hình với quy mô từ 1.000 - 2.000 m².

5- *Đánh giá kết quả sau thu hoạch*: Thu thập kết quả thu hoạch của từng hộ qua đó đánh giá phân tích kết quả của dự án.

PHẦN II:

NHỮNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 1999 - 2000

I - Khó khăn, Thuận lợi:

1- *Khó khăn*: Là dự án thuỷ sản đầu tiên triển khai trên vùng lòng chảo Điện Biên nên việc tiếp cận với công việc ban đầu có nhiều trở ngại.

- Cơ sở vật chất như ao, hồ phần lớn mới chỉ là tận dụng để nuôi cá hoặc nuôi quảng canh. Ruộng nuôi cá chưa được hình thành.

- Trình độ hiểu biết về kỹ thuật nuôi cá của người dân còn thấp chỉ nuôi theo kinh nghiệm nên kết quả không cao.

- Nuôi cá là công việc làm theo thời vụ. Nhưng dự án thường nhận được kinh phí muộn (tháng 5, 6) nên việc triển khai chậm, ảnh hưởng đến thời gian nuôi cá.

- Hầu hết dân nghèo nên dự án phải hỗ trợ đầu tư cả về cơ sở vật chất, giống và vật tư.

2- Thuận lợi:

- Dự án vào đúng lúc dân đang cần có kiến thức KHKT trong chăn nuôi cá.

- Được Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh và các cấp Chính quyền địa phương đồng tình ủng hộ.

- Điều kiện tự nhiên tốt, nên việc hình thành ao, ruộng nuôi cá dễ dàng.

- Dự án hỗ trợ kinh phí ban đầu tạo điều kiện nông dân phát triển nuôi cá.

II - Kết quả thực hiện:

1 - Tổ chức sản xuất đủ giống có chất lượng tốt:

- *Nâng cao chất lượng đàn cá bố mẹ:* Dự án đã tiến hành kiểm tra đàn cá bố mẹ của HTX Noong Bua, loại các cá thể già > 7 năm tuổi. Đồng thời mua từ các vùng lân cận những cá thể từ 3 năm tuổi đến 5 năm tuổi có nguồn gốc xa về làm cá bố mẹ kết quả dự án đã tuyển và cấp lại cho HTX 250 kg cá bố mẹ các loại: Mè trắng, Mè hoa, Trắm cỏ, Mrigan. Đàn cá này sau khi tuyển xong năm 2000 đã sản xuất được 30- 40 triệu cá bột các loại cung cấp cho xã viên ương lên hương, giống cấp I, giống cấp II cho dự án và nhân dân trong vùng.

- *Di giống và thuần hoá:* Dự án đã di giống một số loại cá mới có nguồn gốc thuần chủng từ Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản I như cá chép Hung kình 49 con, cá chép vàng Indonêxia 68 con, cá chép 3 máu 104 con (Cá chép chọn giống) để cấp cho HTX Noong Bua làm cá bố mẹ và 300 kg Rôphi đồng Gift đã bắt đầu đi vào sản xuất cá giống cung cấp cho nhân dân làm trong vùng . Như vậy hiện nay HTX Noong Bua đã có đầy đủ các loại cá bố mẹ có chất lượng tốt để làm cơ sở cho việc sản xuất giống sau này.

- *Sản xuất giống:* Dự án đã giúp HTX nuôi trồng thủy sản Noong Bua sản xuất được 30 - 40 triệu cá bột, 7 triệu cá hương, 4 triệu cá giống các loại cấp cho nhân dân trong vùng và cấp được cho dự án là 118.778 con cá giống thả trong 2 năm 1999 - 2000 được nhân dân trong vùng nuôi đánh giá đạt kết quả chất lượng khá tốt, cá lớn nhanh gấp 2 - 3 lần cá địa phương. Ngoài ra dự án còn kết hợp với dự án phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh miền núi phía Bắc giúp HTX cải tạo khu bể đẻ, bể ấp để năm tới đưa vào sản xuất.

2 - Mô hình nuôi cá ruộng: (Mô hình cá lúa):

Mục tiêu chủ yếu: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình nuôi cá kết hợp với cấy lúa nhằm mục đích chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ ruộng chỉ cấy hai vụ lúa thành ruộng cấy hai vụ lúa một vụ cá trên các khu vực chủ động điều tiết nước với năng suất cá 300 kg/ha/vụ, làm tăng thu nhập trên cùng một đơn vị canh tác, góp phần giải quyết nhu cầu dinh dưỡng cho nhân dân.

- Dự án đã tiến hành lựa chọn được 94 hộ nuôi cá ruộng trong 3 xã: Thanh Luông, Thanh Minh, Thanh An với tổng diện tích nuôi là: 109.800 m² ruộng.

* **Các biện pháp kỹ thuật áp dụng:** Trước khi triển khai dự án đã tập huấn kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị ruộng (đào mương, tẩy dọn). Phần lớn các hộ nuôi chủ yếu sử dụng phương pháp đào mương theo dạng bên (Hình chữ L) Một số hộ có thể sử dụng địa thế của ruộng làm mương 1 phía hay ở giữa hoặc xung quanh với diện tích mương thông thường chiếm 10 - 15% diện tích ruộng cấy. Mương được đào theo hình thang, đáy dưới 60 cm, đáy trên 80 - 100 cm, sâu 60 - 80 cm. Trước khi thả cá ruộng được tẩy kỹ bằng vôi bột với liều lượng 10 kg/100m² , bón lót phân chuồng 100kg/100 m² ruộng, phân đạm 50%, phân lân bón lót 100%, số còn lại để bón thúc và bón đón đòng.

- **Thả giống:** Dùng giống cấp II được lưu từ năm trước hoặc cá đầu vụ của cùng 1 năm nuôi cấp tốc trong thời gian ngắn đạt quy cỡ cá thả. Mật độ cá thả là 2.500 con/ha: (Cá chép lai năm 1999 thả 1 con/20 m², rô phi 1 con/ 5 m². Năm 2000 chép lai, rô phi thả 1 con/10 m²) Bảng 1.

- Thời gian thả cá vào trung tuần tháng 7 đến 30 tháng 7 khi lúa cấy được 7 ngày hoặc sau khi gieo sạ 25 ngày.

Bảng 1: Quy cỡ cá thả, tỷ lệ ghép trong mô hình nuôi cá ruộng năm 1999 - 2000

Số TT	LOẠI CÁ	1999		2000	
		Tỷ lệ ghép(%)	Quy cỡ cá thả (cm)	Tỷ lệ ghép(%)	Quy cỡ cá thả (cm)
1	Chép lai	20	4 - 6	40	4 - 6
2	Trôi Mrigan	20	8 - 10	20	8 - 10
3	Rô phi đơn tính	60	4 - 6	40	4 - 6
	Cộng	100%		100%	

- Lúa cấy dùng giống IR 203, IR64 hoặc các loại lúa có khả năng kháng bệnh để hạn chế dùng thuốc trừ sâu, gieo sạ thưa hơn ruộng không thả cá và cứ cách 6 - 7 m chừa lại khoảng cách rộng 20 cm để làm lối cho cá lên ruộng hoặc xuống mương.

- Bón phân: Cho ruộng gồm phân chuồng, phân đạm, phân lân Văn Điển và phân ka li.

Mức đầu tư cho 1 ha ruộng nuôi cá là 4.644.150 đồng bao gồm:

+ Giống lúa, vật tư phân bón: 2.644.150 đồng

+ Cá giống: 2.000.000 đồng

* Chăm sóc: Thăm đồng thường xuyên để kịp thời phát hiện bệnh của lúa, cá và sự mất mát. Một số ruộng lúa bị bệnh đã được xử lí bằng thuốc trừ sâu bằng cách tháo bớt nước và rút cá xuống mương để 5 - 7 ngày khi

(thuốc hết tác dụng) mới cho thêm nước để cá lên ruộng. Trong thời gian cá ở dưới ruộng phải cho cá ăn thức ăn tinh bằng 1- 3% trọng lượng cá có trong ruộng và mỗi ngày 3 kg phân chuồng /100m².

- Kiểm tra tốc độ sinh trưởng của cá: Cá sau khi thả được 2 tháng chọn mỗi xã một vài gia đình để kiểm tra bằng cách tháo cạn và sơ bộ đánh giá tốc độ phát triển của cá.

- Trước khi thu hoạch chọn mỗi xã 2 đến 3 hộ để làm hội nghị đầu bờ với mục đích đánh giá kết quả trên thực tế và đúc rút kinh nghiệm những công việc đã làm. Thành phần tham gia hội nghị đầu bờ gồm các hộ nuôi cá dự án, cán bộ UBND các xã, huyện và nông dân có sở thích quan tâm đến nuôi cá.

- Cá được thu hoạch sau 4 tháng nuôi (Nghĩa là sau khi gặt vụ mùa 1 tháng) khi thu hoạch lúa tháo bớt nước, gặt nhanh thông thường trong 1 ngày, sau đó dâng nước cao và tiếp tục nuôi cá sau 4 tuần mới thu hoạch để cá tận dụng nguồn thức ăn như thóc rụng hoặc còn sót lại trong ruộng cũng như là rơm, rạ phân huỷ.

Thu hoạch cá bằng cách: Tháo cạn, bắt hết, phân loại theo kích cỡ và chủng loại. Cân từng loại, cân tổng số để đánh giá kết quả, tính năng suất và sản lượng cá.

Bảng 2: Trọng lượng cá ruộng thu hoạch năm 1999 - 2000

Số TT	Địa điểm	Trọng lượng cá khi thu kg/con					
		Năm 1999			Năm 2000		
		Trôi	Chép	Rôphi	Trôi	Chép	Rôphi
1	Thanh Lương	0,24	0,32	0,1	0,245	0,365	0,10
2	Thanh Minh	0,10	0,29	0,1	0,13	0,30	0,15
3	Thanh An	0	0	0	0,20	0,24	0,11
	Trọng lượng tb	~0,17	0,305	0,1	0,19	0,30	0,12

* Từ bảng trên cho thấy:

- Tốc độ phát triển của các loại cá nuôi trên ruộng đều tốt, nhưng tốt nhất là cá chép. Tốc độ phát triển của cá chép gấp 1,5 lần cá trôi và 2,5 lần, so với cá rô phi, gấp 2-3 lần cá chép địa phương (Giống cá chép tím do dân thả thêm vào, khi thu hoạch chỉ đạt trọng lượng 80- 150 gam/con)

**Bảng 3: Năng suất, sản lượng cá ruộng
thực thu năm 1999 - 2000**

TT	Địa điểm	Năm 1999			Năm 2000		
		Diện tích (ha)	Năng suất	Sản lượng	Diện tích (ha)	Năng suất	Sản lượng
1	Xã Thanh Luông	3,88	303,04	1175,8	2,87	385,27	1105,73
2	Xã Thanh Minh	1,22	220,33	268,8	0,42	380,71	162
3	Xã Thanh An		0	0	1,04	399,73	415,72
	Tổng cộng	5,1	283,24	1444,6	4,33	388,81	1683,55

* Qua bảng trên cho thấy:

* Sở dĩ cá nuôi trong năm 2000 có năng suất thu cao hơn năm 1999 - Do tỷ lệ cá chép lại thả tăng lên (40%).

Kết quả thu hoạch lúa mùa năm 1998, 1999, 2000 của các ruộng không thả và thả cá:

Bảng 4: Năng suất lúa mùa năm 1988, 1999, 2000.

TT	ĐỊA ĐIỂM	Năng suất kg/ha		
		R.không nuôi cá Năm 1998	R.nuôi cá Năm 1999	R.nuôi cá năm 2000
1	Xã Thanh Luông	3.200	3.580	3.800
2	Xã Thanh Minh	3.000	3.500	3.400
3	Xã Thanh An	0	3.000 (0 nuôi cá)	3.300
	Năng suất chung	3.100	3.540	3.500

* Qua bảng trên cho thấy:

- Năng suất lúa của các diện tích nuôi cá dự án không bị tụt đi do diện tích đào mương thả cá, mà còn tăng thêm 12 - 14% so với ruộng không thả cá.

* Sở dĩ năng suất lúa tăng lên là do trong quá trình phát triển trên ruộng ngoài lượng phân bón bình thường còn có thêm lượng phân do cá thải ra,

cá sục bùn trong quá trình kiếm ăn làm tăng khả năng hấp thụ phân bón của rế đồng thời cá ăn cả các loại sâu hại lúa.

- Các ruộng nuôi cá do có mương xung quanh đã hạn chế được chuột phá hoại.

- **Tồn tại** : Trong quá trình thực hiện dự án còn một số tồn tại:

- Một số gia đình nuôi cá trong khu vực ruộng có nguồn nước dựa vào hệ thống thủy nông đã phải thu hoạch sớm do hệ thống thủy nông cất nước để bảo dưỡng định kỳ nên trọng lượng cá không đạt dự kiến ban đầu.

- Một số gia đình nuôi cá ở những ruộng xa nhà bị mất cá do đánh trộm bằng điện hoặc bị tháo cạn (bản Phiêng lời xã Thanh Minh).

- Một số gia đình chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của dự án, chưa thực sự tin tưởng vào kỹ thuật nên đã thả thêm cá giống địa phương vào làm cho mật độ cá nuôi quá dày, cá phát triển chậm làm ảnh hưởng đến kết quả của dự án.

* *Những kinh nghiệm rút ra từ nuôi cá ruộng.*

- Ruộng nuôi cá cần được bố trí trong khu vực có nguồn nước tự nhiên hay nông giang có khả năng cung cấp nước liên tục trong thời gian ít nhất là 4 - 5 tháng kể từ khi cấy hay thả cá.

- Chọn những ruộng gần nhà để tiện cho việc chăm sóc và bảo vệ.

- Khi chọn những hộ làm mô hình ngoài yếu tố về ruộng đủ tiêu chuẩn còn phải chú ý đến ý thức, lòng nhiệt tình và khả năng tiếp thu KHKT để tuyên truyền mở rộng mô hình.

- Cá giống : Dùng giống lưu, đối tượng chính là cá chép lai chiếm 40-50% và thả vào vụ xuân.

- Thông qua các buổi tập huấn, hội nghị đầu bờ, kết quả thực tế đã làm cho nhân dân trong vùng thấy được lợi ích của việc nuôi cá ruộng, nâng cao được sự hiểu biết về kỹ thuật nuôi cá ruộng đó là cơ sở cho việc phát triển bền vững của mô hình.

3- Mô hình nuôi cá quảng canh cải tiến.

a- Mục tiêu

- *Nâng cao năng suất cá ao từ 1 tấn/ ha lên 2,5 tấn/ha.*

Dự án đã chọn được 3 điểm nuôi đó là xã Thanh Minh, Thanh An, Noong Bua với tổng diện tích ao nuôi là 34.800 m² của 60 hộ trình diễn.

b- Biện pháp kỹ thuật áp dụng :

- + Kỹ thuật nuôi cá được tập huấn trước khi triển khai dự án

- + Ao được chuẩn bị như:

- Tát cạn ao bắt hết các loại cá tạp và địch hại.

- Phát quang bờ, tu sửa lại cống cấp thoát nước.
- Tẩy vôi bột với 10 kg/100 m², san phẳng đáy ao.
- Phơi đáy ao trước khi lấy nước vào 3 - 5 ngày.
- Bón lót cho ao 30 kg phân chuồng cho 100 m².

+ Thả cá: Cá được thả vào trung tuần tháng 7, dự án đã vận chuyển cá giống bằng ôxy đến nơi gần nhất để cấp cho các hộ gia đình nuôi cá, đảm bảo tỷ lệ sống 100% khi thả.

- Mật độ cá thả là: 1,5 con /m².

Bảng 5: Loại cá, tỷ lệ ghép và quy cỡ cá thả năm 1999 - 2000 trong mô hình nuôi cá ao quảng canh cải tiến

TT	LOẠI CÁ	Năm 1999		Năm 2000	
		Tỷ lệ ghép%	Quy cỡ cá thả cm	Tỷ lệ ghép%	Quy cỡ cá thả cm
1	Mè	30	10 - 12	35	10 - 12
2	Trôi	25	8 - 10	20	8 - 10
3	Trắm cỏ	15	12 - 15	15	12 - 15
4	Chép	10	4 - 6	10	4 - 6
5	Rô phi đơn tính	20	4 - 6	20	1 - 6
	Tổng cộng	100%		100%	

- Yêu cầu về giống: Đảm bảo quy cỡ, giống cấp II, chất lượng tốt không bị dị hình, còi cọc, bệnh tật. Cá trắm cỏ, mè, trôi Mrigan là giống địa phương. Cá chép lai, rô phi đơn tính từ Viện Thủy sản I.

+ Cho ăn và bón phân:

- Thức ăn cho cá gồm: Cám gạo, cám ngô, bột sắn, các sản phẩm thừa của chăn nuôi và sinh hoạt.

- Bón phân:

Bón chủ yếu bằng vôi và lân:

Phân lân: Mỗi tuần bón 2 lần, mỗi lần 300g/ 100m².

Vôi: Mỗi tuần bón 1 lần, mỗi lần 0,2 kg / 100m².

Phân hữu cơ bón bổ sung: Phân chuồng, phân xanh, phân gia súc, gia cầm tận dụng của gia đình.

+ Thời gian nuôi: Theo kế hoạch là 8 tháng.

+ Mức đầu tư cho 1ha ao : 20.607.400 đồng bao gồm :

Cá giống : 16.000.000 đồng.

Vôi + lân : 4.607.400 đồng.

+ Thu hoạch: Cá được thu hoạch vào cuối tháng 11.

Kết quả thu hoạch như sau:

Bảng 6: Trọng lượng trung bình của từng loại cá thu hoạch năm 1999 - 2000 trong mô hình nuôi cá ao

Năm 1999

Số TT	Đơn vị	Trọng lượng trung bình của từng loại kg/con				
		Mè	Trôi	Trắm	Chép	Rô phi
1	Thanh Minh	0	0	0	0	0
2	Thanh An	0,39	0,12	0,28	0,3	0,12
3	Noong Bua	0,09	0,09	0,4	0,11	0,037
	Trung bình	0,24	0,105	0,34	0,205	0,078

Năm 2000:

Số TT	Đơn vị	Trọng lượng trung bình của từng loại kg/con				
		Mè	Trôi	Trắm	Chép	Rô phi
1	Thanh Minh	0,245	0,176	0,372	0,270	0,10
2	Thanh An	0,285	0,230	0,490	0,250	0,06
3	Noong Bua	0,185	0,175	0,434	0,165	0,06
	Trung bình	0,238	0,193	0,432	0,228	0,07

* Qua bảng trên cho thấy:

- Các loại cá nuôi trên khu vực lòng chảo đều có khả năng sinh trưởng tốt. Trong đó cá trắm cỏ có khả năng phát triển tốt nhất.

- Cá nuôi năm 2000 phát triển tốt hơn năm 1999 vì cá giống được chuẩn bị tốt hơn và nhân dân các xã đã được tiếp thu kinh nghiệm nuôi của năm trước.

Bảng 7: Năng suất, Sản lượng cá thực thu của các xã năm 1999 - 2000:

Số TT	ĐƠN VỊ	Năm 1999			Năm 2000		
		Diện tích(ha)	Năng suất	Sản lượng	Diện tích(ha)	Năng suất	Sản lượng
			kg/ha	kg		kg/ha	kg
1	Xã Thanh Minh	0,4	2.087	835	0,64	2.920	1.868
2	Xã Thanh An	0,4	3.022	1.209	0,52	2.870	1.492
3	Xã Noong Bua	0,7	2.680	1.876	0,775	2.978	2.308
	Tổng cộng	1,5		3.920	1,935		5.668
	Năng suất tb		2.613			2.930	

*Qua bảng trên cho thấy:

- Năng suất cá trong mô hình nuôi cá ao quảng canh cải tiến đạt từ 2.613 đến 2.930 kg/ha trong 1/2 chu kỳ nuôi, nếu nuôi cả chu kỳ sẽ đạt được 4 - 5 tấn/ha. Như vậy năng suất nuôi đã đạt và vượt kết quả dự án mong đợi.

- Đã chuyển giao được công nghệ sử dụng vôi và lân, đây là một biện pháp mới đưa vào chăn nuôi cá ao quảng canh cải tiến khu vực miền núi đạt kết quả tốt và tránh được bệnh cá. Hầu hết các gia đình nuôi cá dự án trong vùng bị dịch cá không bị mắc bệnh.

4 - Mô hình nuôi cá lồng lưới trên hồ:

a- Mục tiêu: Chuyển từ nuôi cá lồng bằng tre sang nuôi cá lồng bằng lưới, giúp nông dân làm quen với phương pháp nuôi cá công nghiệp

b- Phương pháp tiến hành:

- Dùng lồng nuôi cá có kích thước $3m \times 3m \times 1,5m = 13,5m^3$. Có khung tre và phao nổi bằng thùng phi 200 lít; dùng lưới nylon a = 5 sợi 200/9 - 210/11, có sào ăn cho mỗi lồng.

- Đối tượng nuôi chính là cá rô phi đơn tính và rô phi dòng Gift được chuyển từ Viện Thủy sản I lên, mật độ nuôi 200 con/ m^3 , cỡ cá 4 - 6 cm.

- Năm 1999: Nuôi 10 lồng trên hồ Pe luông - xã Thanh Luông: gồm 8 lồng rô phi đơn tính, 1 lồng cá chép và 1 lồng ương thử cá trắm cỏ giống.

- Năm 2000: Nuôi 7 lồng trên hồ Noọng gia - xã Thanh Luông gồm 2 lồng cá rô phi đơn tính, 3 lồng rô phi dòng Gift và 1 lồng cá chép

- Dự án cũng đã nuôi thử 1 lồng cá chim trắng gồm 200 con.

- Thời gian nuôi là 4 tháng.

- Thức ăn, năm đầu do dân tự phối chế theo công thức của Viện Thủy sản I và nắm lại cho vào sào để cá ăn. Ngày cho ăn 3 lần, lượng thức ăn 3 - 5% trọng lượng cá.

- Năm thứ 2: Thức ăn được chế biến thành viên tại Viện Thủy sản I chuyển lên cấp cho từng hộ nuôi cá.

- Cá được thu hoạch vào cuối tháng 11 hàng năm.

Kết quả thu hoạch như sau:

Bảng 8: Trọng lượng trung bình, sản lượng, năng suất cá lồng thu năm 1999 - 2000

Địa điểm Hồ	Trọng lượng trung bình (kg/con)					Sản lượng	Năng suất
	Trắm	Chép	Rôphi Đ tính.	Rôphi Gift	chìm trắng	Tổng cộng(kg)	kg/lồng
Pe luông	0,25	0,3	0,1	0	0	2041,0	204,1
Noọng gia	0	0,25	0,1	0,155	0,2	1899,8	316,6
Trọng lượng tb	0,25	0,275	0,1	0,155	0,2		
Tổng cộng						3940,8	

Hệ số thức ăn trên hồ Pe luông là 6-7 kg /kg cá

Hệ số thức ăn trên hồ Noọng gia là 2,8 - 3,4 kg /kg cá

* Từ kết quả trên cho ta thấy:

1- Năng suất cá nuôi trên hồ Noọng gia cao hơn hồ Pe luông. Nguyên nhân do cá nuôi trên hồ Noọng gia có tỉ lệ sống cao hơn (85 - 90%) còn hồ Pe luông chỉ đạt 75%. Mặt khác hồ Noọng gia có 3 lồng cá Rô phi đồng Gift có tốc độ phát triển tốt hơn cá rô phi đơn tính.

2- Hệ số thức ăn tại hồ Pe Luông cao hơn hồ Noọng gia do thức ăn trên hồ Pe luông do dân tự chế và ở hồ có rất nhiều cá đuối chui vào tranh thức ăn của cá trong lồng nên sự hao hụt rất lớn. Còn hồ Noọng Gia thức ăn được chế biến theo phương pháp công nghiệp có độ tan toả chậm nên khả năng hao hụt ít, trong hồ cũng có hiện tượng Rô phi con chui vào ăn nên cũng có sự hao hụt nhưng không lớn.

Mặt khác theo điều tra của Viện Thủy sản 1 các chủng loại thủy sinh làm thức ăn cho cá của hồ Pe luông ít hơn hồ Noọng gia nên đã hạn chế đến sự phát triển của cá.

3- Tốc độ phát triển của cá chép, Rôphi đơn tính tại 2 hồ là tương đương.

4- Cá chim trắng nuôi thử nghiệm đạt kết quả tốt. Tốc độ phát triển gấp 1,5 lần so với các loại cá Rô phi.

5- Nuôi cá trắm cỏ giống trên lồng bằng thức ăn công nghiệp cho kết quả còn thấp.

* Kinh nghiệm rút ra từ nuôi cá lồng trên hồ:

1- Có thể nuôi cá chép, cá rô phi đơn tính hay cá rô phi đồng Gift trên lồng đều đạt kết quả. Nhưng nuôi trong thời gian ngắn thì nuôi cá rô phi đồng Gift có kết quả tốt hơn.

- Cá giống nên sử dụng cá giống lưu và có qui cỡ đồng đều để thả sớm, thời gian nuôi thích hợp từ tháng 4 đến tháng 10.

- Nên sử dụng thức ăn viên chế biến theo phương pháp công nghiệp cho cá ăn để tránh lãng phí.

- Sử dụng nguyên liệu địa phương và chế biến tại chỗ làm giảm giá thành.

- Nên nuôi ở những hồ có nhiệt độ $> 25^{\circ}\text{C}$ sẽ thuận lợi cho cá rô phi phát triển tốt.

- Đối với các hồ có nhiều cá súi, cá tạp nên sử dụng lưới có mắt dày hơn hoặc quây khu nuôi bằng lưới dày để tránh cá tạp chui vào tranh thức ăn.

5. Tuyên truyền tập huấn chuyển giao công nghệ cho nông dân

Mặc dù khu vực lòng chảo dân có truyền thống nuôi cá từ lâu nhưng phần lớn chỉ làm theo kinh nghiệm, chưa theo một qui trình kỹ thuật nào. Mật khác tuy trình độ dân trí ở đây có khá hơn các vùng khác trong tỉnh nhưng so với yêu cầu kỹ thuật còn yếu. Các phương tiện truyền thông đại chúng còn thiếu, đi lại tiếp xúc giữa những gia đình có kinh nghiệm nuôi cá gặp nhiều khó khăn. Cán bộ cơ sở còn yếu cả về trình độ kỹ thuật lẫn thực tiễn. Vì vậy dự án xác định công tác tuyên truyền và phổ biến KHKT là công tác quan trọng nhất cho hiện tại và lâu dài mang tính chất bền vững cho phát triển nuôi trồng thủy sản trong toàn khu vực.

Trong hai năm qua dự án đã triển khai được những công việc như sau:

a- Tập huấn kỹ thuật:

* Trước khi triển khai công việc đầu tiên của dự án là tổ chức tập huấn kỹ thuật cho nông dân giúp họ nắm được những kiến thức KHKT chăn nuôi cá ruộng, ao, lồng. Đồng thời hướng dẫn nông dân triển khai kỹ thuật trên thực địa. Dự án đã tổ chức được 12 lớp với tổng số là 520 lượt người tham gia.

* Bồi dưỡng được 3 lớp cho cán bộ cấp xã và huyện với tổng số là 136 lượt người tham gia.

* Kết hợp với việc tập huấn dự án còn cấp tài liệu kỹ thuật, tờ rơi, tờ bướm cho nông dân về tham khảo.

b- Thăm quan và hội nghị đầu bờ.

* Thăm quan: Dự án đã tổ chức được 1 đợt đi thăm quan các mô hình nuôi thủy sản tiên tiến ngoài tỉnh 12 ngày cho 15 cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện, xã.

* Hội nghị đầu bờ: Dự án đã tổ chức được 8 buổi hội nghị đầu bờ có 320 lượt người tham gia với nội dung đánh giá kết quả thực hiện dự án, thông qua đó để các gia đình trao đổi, học tập lẫn nhau, đúc rút kinh

nghiệm cái làm được, cái chưa làm được tự bổ sung cho mình kiến thức nuôi cá.

c - Công tác tuyên truyền.

* Dự án đã kết hợp với đài phát thanh truyền hình huyện Điện Biên ghi lại tất cả các hoạt động của dự án từ khi tập huấn đến khi thu hoạch và khuyến cáo trên truyền hình. Trong 2 năm dự án đã phát được 24 buổi và hoàn thành được cuộn băng hình về kỹ thuật nuôi cá ruộng, ao, lồng trên khu vực lòng chảo Điện Biên.

6 - Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án :

6.1-Hiệu quả kinh tế

- Tổng chi trực tiếp cho các mô hình: = 254.658.000 đồng
(gồm các khoản cá giống, thức ăn, phân bón và vật tư chuyên dùng)
- Tổng thu từ các mô hình 327.840.000 đồng

Trong đó:

Từ cá: 16.656 kg x 15.000 đồng/kg = 249.840.000 đồng

Từ lúa: 39.300 kg x 2.000 đồng/kg = 78.000.000 đồng

- Lợi nhuận do dự án mang lại: 73.182.000 đồng

6.2- Hiệu quả xã hội:

- Dự án đã tạo ra một sản lượng cá đáng kể góp phần vào việc cải thiện bữa ăn gia đình, nâng cao mức sống của nhân dân trong vùng.

- Đưa được một số giống mới vào và sản xuất ra những loại giống tốt cung cấp cho nhân dân làm tăng sản lượng cá nuôi trong vùng.

- Tạo thêm công ăn việc làm cho nông dân và tăng thu nhập trên cùng đơn vị diện tích

- Giảm bớt sử dụng thuốc trừ sâu trong ruộng lúa làm cho môi trường trong sạch.

- Thông qua các buổi tập huấn kỹ thuật, công việc thực tế, hội thảo, hội nghị đầu bờ, thăm quan, phát thanh truyền hình đã nâng cao được nhận thức, sự hiểu biết của cán bộ, người dân làm cơ sở cho việc phát triển phong trào nuôi cá trong khu vực lòng chảo Điện biên cũng như toàn tỉnh. Hiện nay nhiều hộ gia đình đã và đang đào thêm ao, sửa chữa, củng cố bờ ao, ruộng để nuôi cá.

Phân III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1- Kết luận:

1- Địa bàn triển khai:

Dự án đã triển khai theo đúng các địa bàn đã được dự án lựa chọn bao gồm các xã: Thanh Minh, Thanh Luông, Thanh An, Noong Bua.

2- Quy mô triển khai:

Theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt kết quả thực hiện như sau:

- Công tác sản xuất giống: Đã tuyển chọn lại đàn cá bố mẹ Mè, Trôi, Trám, thải loại các cá thể già thay thế bằng đàn mới có nguồn gốc xa. Nhập một số loài cá giống mới thuần chủng, 3 máu (chép hưng, chép Indônêxia, rô phi dòng Gift, cá chim trắng) cho trại giống Noong Bua làm cơ sở cho việc sản xuất các loại cá giống có chất lượng cao phục vụ nhân dân trong vùng. Đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tổ chức sản xuất đủ cá giống tiêu chuẩn cấp cho các mô hình dự án và giải quyết cung cấp được 1 phần nhu cầu nhân dân.

- Mô hình nuôi cá lúa: Theo kế hoạch được duyệt là 10 ha. Thực hiện 10,88 ha, vượt kế hoạch 0,88 ha.

- Mô hình nuôi cá ao quảng canh cải tiến: Theo kế hoạch được duyệt 2 ha; Thực hiện 3,48 ha, vượt kế hoạch 1,48 ha.

- Mô hình nuôi cá lồng: Theo kế hoạch được duyệt 24 lồng; Thực hiện 17 lồng, thiếu 5 lồng theo kế hoạch.

* Sở dĩ có sự thay đổi về quy mô như trên là do: Hệ thống quản lý hồ chứa có sự thay đổi, nếu tiếp tục đầu tư vào mô hình nuôi cá lồng theo kế hoạch được duyệt thì chỉ tập trung được cho vài nông hộ với số lượng kinh phí lớn. Vì vậy sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lai Châu đã có công văn đề nghị Ban chỉ đạo chương trình rút 5 lồng để chuyển sang xây dựng mô hình nuôi cá ruộng và cá ao.

3- Các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật :

Các mô hình chuyển giao TBKT đã xây dựng đều phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của các địa bàn đã được lựa chọn triển khai.

4- Giải pháp công nghệ:

Các giải pháp công nghệ ứng dụng trong các mô hình đều phù hợp được người dân chấp nhận.

- Mô hình cá lúa: Diện tích dào mương từ 15 - 20% so với diện tích ruộng không ảnh hưởng tới tổng thu nhập trên cùng một diện tích.

Yêu cầu về mật độ cá thả phải đảm bảo 2,5 con/10m².

- Cơ cấu giống: Giống cá chép lai chiếm 40 % còn lại là các giống cá trôi, rôphi là phù hợp.

- *Mô hình cá ao quảng canh cải tiến*: Phải đảm bảo dọn, tẩy ao kỹ, đáy ao phải san phẳng.

Mật độ cá thả đảm bảo 1 - 1,5 con/ m².

Phân lân: Mỗi tuần bón 2 lần, mỗi lần 300g/ 100m².

Vôi: Mỗi tuần bón 1 lần, mỗi lần 0,2 kg / 100m².

- *Mô hình nuôi cá lồng*:

Nuôi cá lồng phải lựa chọn các hồ có nhiệt độ ấm (tốt nhất > 25⁰c).

Sử dụng lưới nylon dày để tránh xâm nhập của các loại cá tự nhiên chui vào tranh thức ăn của cá nuôi trong lồng.

Thức ăn cho cá nên sử dụng loại thức ăn chế biến công nghiệp có độ tan toả chậm trong nước để tránh thất thoát, gây lãng phí thức ăn.

5- Những kinh nghiệm về công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án:

a- Công tác quản lý:

- Phối kết hợp với các Viện có tiềm lực về cán bộ khoa học kỹ thuật, có đủ điều kiện chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống cây - con có tiềm năng năng suất, chất lượng cao cho địa phương.

- Tập hợp đông đảo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và nhân dân địa phương tham gia triển khai dự án.

b- Công tác phối hợp thống nhất chỉ đạo giữa các cấp, các ngành, huyện thị, hợp tác xã đã thực hiện trong dự án :

- Sở Khoa học CN&MT tỉnh Lai Châu đã thành lập ban điều hành dự án bao gồm các thành viên của sở KH - CN&MT, Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản Trung ương I, UBND huyện Điện Biên, UBND thị xã Điện Biên Phủ, Phòng nông nghiệp Điện Biên, Phòng Chỉ đạo sản xuất thị xã Điện Biên Phủ và đại diện lãnh đạo của các xã thuộc địa bàn triển khai dự án.

- Ban điều hành tổ chức triển khai các nội dung dự án trên cơ sở ký kết hợp đồng trách nhiệm tới từng hợp tác xã và từng hộ nông dân tham gia thực hiện dự án.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai.

Vì vậy dự án được triển khai đúng mục tiêu, nội dung, được người dân tin tưởng ủng hộ nhiệt tình.

c-Các giải pháp thực hiện:

*- Giải pháp về giống:

Tập trung sản xuất giống mới có chất lượng cao đảm bảo các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, trọng lượng trước khi thả, bao gồm các giống: Cá rô phi đơn tính, rô phi dòng GIFT, cá chép hung, cá trôi Ấn độ, cá chim trắng, cá mè ...

* Giải pháp kỹ thuật:

- Xây dựng các mô hình trình diễn chăn nuôi cá ruộng, các ao quảng canh cải tiến, cá lồng.

- Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cá cho nông dân thông qua tập huấn, huấn luyện quy trình kỹ thuật cho cán bộ xã và các hộ nông dân trước khi thả cá.

- Tất cả các diện tích trước khi thả cá đều được kiểm tra kỹ lưỡng đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật mới được thả.

- Tổ chức hội nghị đầu bờ bao gồm các cán bộ huyện, xã, hợp tác xã, bà con nông dân để họ tự đánh giá kết quả và lợi ích của việc chăn nuôi cá mà tự duy trì, mở rộng quy mô sau khi dự án kết thúc.

*- Giải pháp đầu tư:

- Mỗi hộ tham gia xây dựng mô hình được đầu tư 1 lần với diện tích 1.000 - 2.000 m² do điều kiện ở địa bàn vùng núi ruộng bậc thang hẹp. Với quy mô như vậy dự án sẽ chuyển giao được tiến bộ KHKT tới nhiều hộ tạo hạt nhân nhân rộng mô hình sau dự án.

- Đầu tư đồng bộ không thu hồi tạo điều kiện cho người dân yên tâm thực hiện các biện pháp kỹ thuật đạt được mục tiêu đề ra.

II - Đề nghị:

- Để tiếp tục phát triển việc nuôi cá rộng khắp khu vực lòng chảo cũng như vùng núi Tây Bắc đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tạo điều kiện tiếp tục cho dự án mở rộng ra các vùng lân cận.

- Các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo và tạo điều kiện cho nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang nuôi trồng thủy sản ở những vùng có thể như:

+ Đối với các vùng trũng có khả năng điều tiết nước chủ động nên cấy 2 vụ lúa và 1 vụ cá.

+ Đối với các ruộng trũng cấy tốt 1 vụ lúa còn 1 vụ bắp bênh thì chuyển sang cấy 1 vụ lúa và nuôi 1 vụ cá.

+ Đối với các ruộng quá trũng cấy lúa không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp thì chuyển sang đào ao nuôi cá.

c-Các giải pháp thực hiện:

*- Giải pháp về giống:

Tập trung sản xuất giống mới có chất lượng cao đảm bảo các chỉ tiêu về khả năng sinh trưởng, trọng lượng trước khi thả, bao gồm các giống: Cá rô phi đơn tính, rô phi dòng GIFT, cá chép hung, cá trôi Ấn độ, cá chim trắng, cá mè ...

* Giải pháp kỹ thuật:

- Xây dựng các mô hình trình diễn chăn nuôi cá ruộng, các ao quảng canh cải tiến, cá lồng.

- Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cá cho nông dân thông qua tập huấn, huấn luyện quy trình kỹ thuật cho cán bộ xã và các hộ nông dân trước khi thả cá.

- Tất cả các diện tích trước khi thả cá đều được kiểm tra kỹ lưỡng đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật mới được thả.

- Tổ chức hội nghị đầu bờ bao gồm các cán bộ huyện, xã, hợp tác xã, bà con nông dân để họ tự đánh giá kết quả và lợi ích của việc chăn nuôi cá mà tự duy trì, mở rộng quy mô sau khi dự án kết thúc.

*- Giải pháp đầu tư:

- Mỗi hộ tham gia xây dựng mô hình được đầu tư 1 lần với diện tích 1.000 - 2.000 m² do điều kiện ở địa bàn vùng núi ruộng bậc thang hẹp. Với quy mô như vậy dự án sẽ chuyển giao được tiến bộ KHKT tới nhiều hộ tạo hạt nhân nhân rộng mô hình sau dự án.

- Đầu tư đồng bộ không thu hồi tạo điều kiện cho người dân yên tâm thực hiện các biện pháp kỹ thuật đạt được mục tiêu đề ra.

II - Đề nghị:

- Để tiếp tục phát triển việc nuôi cá rộng khắp khu vực lòng chảo cũng như vùng núi Tây Bắc đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tạo điều kiện tiếp tục cho dự án mở rộng ra các vùng lân cận.

- Các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo và tạo điều kiện cho nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang nuôi trồng thủy sản ở những vùng có thể như:

+ Đối với các vùng trũng có khả năng điều tiết nước chủ động nên cấy 2 vụ lúa và 1 vụ cá.

+ Đối với các ruộng trũng cấy tốt 1 vụ lúa còn 1 vụ bắp bênh thì chuyển sang cấy 1 vụ lúa và nuôi 1 vụ cá.

+ Đối với các ruộng quá trũng cấy lúa không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp thì chuyển sang đào ao nuôi cá.

- Có chính sách giao đất rõ ràng, lâu dài cho nông dân để dân yên tâm đầu tư cho việc canh tác và nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất lúa + cá như: Giảm thuế những năm đầu mới làm hoặc bị mất mát do thiên tai, cho vay vốn không lãi hoặc lãi suất thấp, thủ tục vay vốn đơn giản và thuận tiện. Hỗ trợ giống ban đầu và tổ chức mạng lưới cung cấp giống tốt đảm bảo chất lượng cho nhân dân ...

- Cho phép nông dân được chuyển đổi ruộng đất cho nhau để tiện cho việc qui hoạch phục vụ phát triển nuôi cá và bảo vệ.

- Tăng cường công tác truyền bá KHKT nuôi trồng thủy sản sâu rộng trong toàn dân bằng mọi phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng các mô hình tiên tiến, tổ chức tập huấn, hội thảo, đào tạo cán bộ nòng cốt ...

Trên đây là một số kết quả và kinh nghiệm sau 2 năm (1999 -2000) thực hiện dự án " Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy sản để xây dựng mô hình phát triển thủy sản bền vững nhằm nâng cao sản lượng cá ao hồ vùng Điện Biên " - Thuộc Chương trình " Ứng dụng KH-CN, phục vụ phát triển KT - XH Nông thôn Miền núi"

Lai Châu, ngày 30 tháng 2 năm 2001

VIỆN NGHIÊN CỨU
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TW 1
(Cơ quan chuyển giao công nghệ)



THO VIỆN TRƯỞNG

Phạm Anh Tuấn

SỞ KHOA HỌC CN&MT

Giám đốc

(Chức nhiệm dự án)



Đặng Văn Khán